

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2013

Hà Nội ngày ... tháng ... năm 2013



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		418.606.806.074	419.452.350.783
I	Tiền và tương đương tiền	110	III.1	106.512.251.945	65.835.212.846
1.	Tiền mặt tại quỹ	111		4.954.101.852	2.522.032.240
2.	Tiền gửi ngân hàng	112		60.058.150.093	43.813.180.606
3.	Tiền đang chuyển	113		-	-
4.	Các khoản tương đương tiền	114		41.500.000.000	19.500.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	III.2	224.442.464.000	247.769.068.648
1.	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		70.254.589.617	96.214.408.265
2.	Đầu tư ngắn hạn khác	128		198.000.000.000	175.500.000.000
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(43.812.125.617)	(23.945.339.617)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	III.3	73.452.262.031	93.882.725.711
1.	Phải thu khách hàng	131		84.649.869.889	88.449.849.760
2.	Trả trước cho người bán	132		828.416.282	1.206.250.820
3.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		37.472.543	32.861.292
5.	Các khoản phải thu khác	138		4.380.734.078	13.919.954.457
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.444.230.761)	(9.726.190.618)
IV.	Hàng tồn kho	140		523.351.463	855.273.447
2.	Nguyên liệu, vật liệu	142		501.147.762	771.960.227
3.	Công cụ, dụng cụ	143		22.203.701	83.313.220
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		13.676.476.635	11.110.070.131
1.	Tạm ứng	151		12.465.433.676	10.034.095.796
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	152.1		958.160.113	829.773.379
4.	Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	154		252.882.846	246.200.956
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127.599.646.313	160.086.964.207
I.	Tài sản cố định	210		35.646.240.206	38.212.714.513
1.	TSCĐ hữu hình	211	III.4	35.646.240.206	38.210.482.370
	- Nguyên giá	212		43.908.196.651	46.267.712.460
	- Giá trị khấu hao lũy kế	213		(8.261.956.445)	(8.057.230.090)
3.	TSCĐ vô hình	217	III.5	-	2.232.143
	- Nguyên giá	218		1.995.000.000	1.995.000.000
	- Giá trị khấu hao lũy kế	219		(1.995.000.000)	(1.992.767.857)
II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220	III.6	75.500.000.000	102.000.000.000
1.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		-	53.000.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	228		75.500.000.000	49.000.000.000
III.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		650.000.000	650.000.000
IV.	Tài sản dài hạn khác	240		15.803.406.107	19.224.249.694
1.	Chi phí trả trước dài hạn	152.2		1.543.476.252	202.714.981
2.	Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
4.	Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		484.556.200	6.690.265.186
5.	Tài sản thuế hoãn lại	243	III.7	7.775.373.655	6.331.269.527
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		250		546.206.452.387	579.539.314.990

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		219.827.143.025	255.979.796.328
I.	Nợ ngắn hạn	310		63.206.295.840	51.778.850.951
3.	Phải trả người bán	313	III.8	35.652.389.076	26.337.957.619
4.	Người mua trả tiền trước	314		4.141.827.958	1.975.199.669
5.	Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	315	III.9	9.333.737.301	13.021.305.125
6.	Phải trả người lao động	316		1.324.482.863	2.540.137.876
7.	Phải trả các đơn vị nội bộ	317		(0)	-
8.	Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	318	III.10	12.452.538.111	7.842.441.107
9.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	422		301.320.532	61.809.555
II.	Dự phòng nghiệp vụ	330		153.162.616.900	201.198.998.560
1.	Dự phòng phí	331		85.806.601.138	115.957.082.516
3.	Dự phòng bồi thường	333		40.699.894.671	59.907.374.447
4.	Dự phòng giao động lớn	334		26.656.121.091	25.334.541.597
III.	Nợ khác	340		3.458.230.285	3.001.946.817
1.	Chi phí phải trả	341	III.11	3.458.230.285	3.001.946.817
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		326.379.309.362	323.559.518.662
I.	Vốn chủ sở hữu	410	III.12	326.379.309.362	323.559.518.662
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
4.	Quỹ đầu tư phát triển	414		1.200.000.000	-
6.	Quỹ dự trữ bắt buộc	416		4.543.488.767	4.074.487.685
8.	Lợi nhuận chưa phân phối	418		20.635.820.595	19.485.030.977
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430		546.206.452.387	579.539.314.990

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		31.045.838.948	25.004.191.717
Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
Hạn mức kinh phí còn lại		-	-
Nguồn vốn khấu hao hiện có		-	-
Cổ phiếu lưu hành		-	-
Cổ tức phải trả		-	-

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

LẬP BIỂU**Ninh Viêt Hòa****KẾ TOÁN TRƯỞNG**

.....

TỔNG GIÁM ĐỐC**Bùi Gia Anh**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2013

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Thu phí bảo hiểm gốc	01		49.374.002.099	66.419.711.065	159.498.626.413	241.617.091.585
2	Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		4.807.454.012	10.808.134.073	15.666.680.993	27.284.219.719
3	Các khoản giảm trừ	03		13.061.953.752	23.274.249.503	43.260.543.206	73.105.766.416
	Phí nhượng tái bảo hiểm	04		12.613.035.705	22.879.467.238	42.119.682.209	71.184.681.039
	Hoàn phí bảo hiểm	06		448.918.047	394.782.265	1.140.860.997	1.921.085.377
4	Tăng (giảm) dự phòng phí toán học	08		(8.253.984.817)	(1.434.727.524)	(30.150.481.378)	(2.560.162.999)
5	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		3.970.799.808	7.426.938.867	12.905.274.756	22.014.090.480
6	Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		204.912.235	28.138.140	635.489.294	6.383.326.884
	Thu nhận tái bảo hiểm	11		60.516.305	-	377.584.510	-
	Thu nhượng tái bảo hiểm	12		128.295.284	18.921.882	129.569.348	6.862.093.155
	Thu hoạt động khác	13		16.100.646	9.216.258	128.335.436	(478.766.271)
7	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo	14		53.549.199.219	62.843.400.166	175.596.009.628	226.753.125.251
8	Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		43.651.084.951	32.998.010.862	80.539.017.621	83.716.092.202
9	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		3.450.725.715	2.631.043.064	5.096.320.528	3.985.635.295
10	Các khoản giảm trừ	17		26.533.501.156	6.487.259.782	31.972.303.387	10.853.572.568
	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		26.521.301.156	6.487.259.782	31.852.103.387	10.830.762.568
	Thu hàng đã sử lý bồi thường 100%	20		12.200.000	-	119.800.000	22.810.000
11	Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		20.568.309.510	29.141.794.144	53.663.034.762	76.848.154.929
13	Tăng giảm dự phòng bồi thường	23		(3.078.276.742)	(6.586.426.675)	1.561.366.242	9.202.775.125
14	Sổ trích dự phòng giao động lớn trong năm	24		413.726.875	1.618.607.869	1.321.579.494	5.873.866.347
15	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		8.161.990.961	13.761.148.340	26.009.994.977	38.412.863.676
15.1	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		6.409.605.930	10.243.798.842	20.968.860.443	30.470.967.449
	Chi hoa hồng	27		4.977.452.021	8.234.040.698	17.368.031.801	25.965.478.368
	Chi giám định tổn thất	28		398.509.551	399.937.009	1.224.795.177	1.022.593.430
	Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		-	10.000	7.600.000	96.072.997
	Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		314.181.909	1.112.326.091	641.247.728	1.985.462.124
	Chi khác	33		719.462.449	497.485.044	1.727.185.737	1.401.360.530
15.2	Chi khác hoạt động nhận tái bảo hiểm	34		1.752.385.031	3.517.349.498	5.041.134.534	7.931.810.977
	Chi hoa hồng	35		1.632.935.250	2.733.045.377	3.948.566.054	6.952.721.821
	Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		375.361	632.287.315	91.493.638	731.701.907
	Chi khác	38		119.074.420	152.016.806	1.001.074.842	247.387.249
15.3	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh khác	40		-	-	-	10.085.250
16	Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo	41		26.065.750.604	37.935.123.678	82.555.975.475	130.337.660.077
17	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		27.483.448.615	24.908.276.488	93.040.034.153	96.415.465.174
	Chi phí bán hàng	43		4.179.428.708	7.911.612.438	11.693.788.672	15.262.817.958
	Chi phí quản lý	44		17.985.541.603	25.429.127.779	63.933.309.810	82.046.279.720
18	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo	45		5.318.478.304	(8.432.463.729)	17.412.935.671	(893.632.504)
19	Doanh thu hoạt động tài chính	46	11	10.008.170.232	14.022.260.664	35.863.483.038	50.859.123.803
20	Chi phí hoạt động tài chính	47	12	392.070.700	20.235.435.588	24.400.602.335	29.717.631.388
21	Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		9.616.099.532	(6.213.174.924)	11.462.880.703	21.141.492.415
	Thu nhập khác	52		3.534.733	14.918.314	36.356.879	131.929.680
	Chi phí khác	53		25.807.247	77.349.946	408.132.882	669.417.005
22	Lợi nhuận hoạt động khác	54		(22.272.514)	(62.431.632)	(371.776.003)	(537.487.325)
23	Tổng lợi nhuận kế toán	55		14.912.305.322	(14.708.070.285)	28.504.040.371	19.710.372.586
25	Lợi nhuận trước thuế	57		14.912.305.322	(14.708.070.285)	28.504.040.371	19.710.372.586
27	Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		14.912.305.322	(14.708.070.285)	28.504.040.371	19.710.372.586
28	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	60	13	1.997.269.650	9.605.648.659	8.680.318.397	14.852.471.542
29	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	61	14	1.719.145.758	(5.262.973.632)	(1.444.104.128)	(9.769.165.896)
30	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62		11.195.889.914	(19.050.745.312)	21.267.826.102	14.627.066.940
31	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		373	(635)	709	488

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ninh Viết Hòa

.....



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2013

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD				
1.	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh chính	01	184.768.251.954	-
2.	Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	-	-
3.	Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	16.821.401.888	-
4.	Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	314.134.179	-
5.	Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(82.243.329.550)	-
6.	Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo	06	(46.559.441.726)	-
7.	Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(33.584.552.054)	-
8.	Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(21.230.498.804)	-
9.	Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	09	(23.368.069.185)	-
10.	Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(329.389.566)	-
11.	Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho	11	(9.582.966.959)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.994.459.823)	-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	666.207.984.232	-
2.	Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	32.547.378.481	-
3.	Tiền thu do bán tài sản cố định	23	-	-
4.	Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong năm	24	(628.300.000.000)	-
5.	Tiền mua tài sản cố định	25	(252.510.551)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	70.202.852.162	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG T.CHÍNH				
1.	Tiền thu do đi vay	31	-	-
2.	Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	-	-
3.	Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	-	-
4.	Tiền đã trả nợ vay	34	-	-
5.	Tiền trả cổ tức cho các cổ đông	35	(13.031.353.240)	-
6.	Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.031.353.240)	-
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	42.177.039.099	-
	<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	64.335.212.846	-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng.tệ	61	-	-
	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	106.512.251.945	-

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ninh Viêt Hòa



.....



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý ... Năm

I/ Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn :

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin (sau đây gọi tắt là " Tổng Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập số 56GP/KDBH ngày 10 tháng 12 năm 2008 do Bộ Tài chính cấp. Thời gian hoạt động theo Giấy phép là 99 năm. Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 10 lần được Bộ Tài chính cấp các Giấy phép điều chỉnh liên quan đến việc thành lập thêm các công ty con.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng chẵn)

2- Lĩnh vực kinh doanh :

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty: Bảo hiểm phi nhân thọ.

3- Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh bảo hiểm gốc:

- + Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người;
- + Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
- + Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, đường hàng không;
- + Bảo hiểm xe cơ giới;
- + Bảo hiểm cháy, nổ;
- + Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
- + Bảo hiểm trách nhiệm chung;
- + Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.

Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.

Quản lý quỹ, đầu tư vốn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Trụ sở hoạt động:

Tầng 7+8 tòa nhà AC, Lô A1A cụm SXTTCN&CNN, Phường Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy-Hà Nội

Tel: (84-4) 3 793 1111 Fax: (84-4) 3 793 1155

Các đơn vị trực thuộc và các đơn vị thành viên:

Tên đơn vị

Địa chỉ

- | | |
|-----------------------|---|
| 1. SVIC Hà Nội | Tầng 7+8 tòa nhà AC, Lô A1A cụm SXTTCN&CNN, Phường Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy-Hà Nội |
| 2. SVIC Quảng Ninh | Số 95A đường Lê Thành Tông, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 3. SVIC Việt Bắc | Số 152 đường 74B, đường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |
| 4. SVIC Nam Sông Hồng | 92 đường Nguyễn Trãi, Nam Định |
| 5. SVIC Hải Phòng | Số 8 lô 22 Lê Hồng Phòng, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |
| 6. SVIC Nghệ An | Số 74 đường Nguyễn Sỹ Sách, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

7. SVIC Tây Bắc	1824 Hùng Vương, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
8. SVIC Tây Nguyên	B9 Lý Tự Trọng, TP. Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
9. SVIC Đông Nam Bộ	102 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
10. SVIC Sài Gòn	194/6 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
11. SVIC Bắc Sông Hồng	Lô 7-10, khu phố 1, P. Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình
12. SVIC Bắc Miền Trung	119B, QL9, TP Đông Hà, Quảng Trị
13. SVIC Nam Miền Trung	3A1 Lý Tự Trọng, P. Lộc Thọ, TP Nha Trang, Khánh Hoà
14. SVIC Thăng Long	Số 19, Lô m2 Khu đô thị mới Yên Hòa-Cầu Giấy-Hà Nội

Tên đơn vị thành viên

1. Công ty TNHH 1 TV đầu tư SVIC	Tầng 7+8 tòa nhà AC, Lô A1A cụm SXTTCN&CNN, Phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy-Hà Nội
----------------------------------	--

II/ Chính sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

1- Kỳ kế toán năm bắt đầu (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc 31/12 hàng năm)

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng VN

3- Chế độ kế toán áp dụng :

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm (ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính) và các chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành

4- Hình thức kế toán áp dụng :

Tổng Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

5- Phương pháp kế toán hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Hàng tồn kho được tính theo giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ : Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ : Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/20... Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá

6- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí

Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Loại tài sản cố định

Thời gian (năm)

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

10

Thiết bị, dụng cụ quản lý

08

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị phần mềm quản lý, khai thác nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và quản lý tài chính doanh nghiệp và phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian 08 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là các khoản trích trước chi phí đề phòng, hạn chế tổn thất được trích lập bằng 5% tổng số phí giữ lại bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc thu được trong năm và 2% doanh thu phí bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm: Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC

Năm 2009, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin đã được Bộ Tài chính chấp thuận Phương pháp trích lập dự phòng các nghiệp vụ bảo hiểm tại Công văn số 17121/BTC-QLBH ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Cụ thể phương pháp trích lập các quỹ dự phòng như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không: bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.

Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của các nghiệp vụ bảo hiểm này.

Dự phòng bồi thường

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng bồi thường theo hồ sơ yêu cầu đòi bồi thường. Theo đó, dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất

- Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết: được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường: áp dụng mức trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm thực giữ lại của năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Dự phòng dao động lớn

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm. Mức trích lập trong năm 2010 đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được hạch toán khi phát sinh trách nhiệm của doanh nghiệp đối với bên mua bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.

Cơ sở để doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đồng ý phí bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên

10.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận từ việc góp vốn

Doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán được ghi nhận bằng số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các chi phí tài chính khác.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn thu phí đã xuất cho khách hàng.

Khoản tra trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Dự phòng phải thu khó đòi bảo hiểm gốc được thực hiện theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông ty 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ tính từ ngày phát hành hóa đơn thu phí bảo hiểm và thỏa thuận về thời gian nợ phí trên Hợp đồng bảo hiểm.

13.2 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày 31/12/20..

13.3 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

13.4 Nguyên tắc ghi nhận thu nhập và chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm cố định

Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các bảng thanh toán định kỳ (thường là hàng quý) được gửi tới hoặc nhận được từ các công ty nhận tái hoặc nhượng tái bảo hiểm, cụ thể:

Đối với các hợp đồng nhượng tái, là khi các bảng thanh toán được lập và được công ty nhận tái bảo hiểm xác nhận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Đối với các hợp đồng nhận tái, là khi Công ty xác nhận các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

Do việc nhận/gửi các bảng thanh toán của kỳ này thường được thực hiện trong kỳ tiếp theo nên có sự chênh lệch giữa thời điểm giao dịch phát sinh và thời điểm hạch toán thu nhập, chi phí. Theo đó, thu nhập và chi phí liên quan đến hoạt động này của quý bốn

Tái bảo hiểm tạm thời

Đối với các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm: Thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và bảng kê thanh toán có xác nhận của bên nhận tái (Đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) đến nhà

Đối với các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm: Thu nhập và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và Công ty xác nhận bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái

13.5 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT đối với từng hoạt động nghiệp vụ như sau:

Nghiệp vụ tái bảo hiểm:	Không chịu thuế
Các nghiệp vụ bảo hiểm con người:	Không chịu thuế
Các nghiệp vụ bảo hiểm khác:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thu

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

III: Thông tin bổ sung cho báo cáo tài chính**1. Tiền**

	30/09/2013	01/01/2013
Tiền mặt tại quỹ	4.954.101.852	2.522.032.240
Việt nam Đồng	4.954.101.852	2.522.032.240
Tiền gửi ngân hàng	60.058.150.093	43.813.180.606
Việt nam Đồng	28.221.108.759	31.747.890.839
Số dư tài khoản HBS	31.837.041.334	12.065.289.767
Tiền đang chuyển	-	-
Tương đương tiền	41.500.000.000	19.500.000.000
Cộng	106.512.251.945	65.835.212.846

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2013	01/01/2013
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	70.254.589.617	96.214.408.265
Cổ phiếu niêm yết	912.449.617	912.449.617
Cổ phiếu chưa niêm yết	9.342.140.000	9.342.140.000
Trái phiếu	60.000.000.000	85.959.818.648
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Mi	-	25.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long	30.000.000.000	30.959.818.648
Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi kỳ hạn)	198.000.000.000	175.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	133.000.000.000	56.500.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	100.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	10.000.000.000
- Công ty Đầu tư SVIC	-	-
- Ngân hàng VIBank Hà Đông	-	2.000.000.000
- Công ty CTTC Vietin	-	5.000.000.000
- Ngân hàng STB Phú Yên	-	2.000.000.000
- Ngân hàng VP Bank	1.000.000.000	-
- Ngân hàng Viettin Bank	1.000.000.000	-
- Chứng khoán SHS (Đặt cọc mua TPCP có lãi suất đặt cọc)	63.000.000.000	-
Cộng giá gốc	268.254.589.617	271.714.408.265
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(43.812.125.617)	(23.945.339.617)
Dự phòng SĐTL	(30.000.000.000)	(10.000.000.000)
Dự phòng HBS	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Dự phòng OTC	(3.812.125.617)	(3.945.339.617)
Giá trị thuần	224.442.464.000	247.769.068.648

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

3. Các khoản phải thu

	30/09/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng	84.649.869.889	88.449.849.760
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	24.028.682.179	24.527.717.110
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	13.426.471.726	3.081.605.114
Đã phát sinh công nợ	13.426.471.726	3.081.605.114
Công nợ ước liên quan đến nhận tái	-	-
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	20.463.938.620	30.158.360.025
Đã phát sinh công nợ	(30.409.061.380)	1.375.237.142
Công nợ ước liên quan đến nhượng tái	50.873.000.000	28.783.122.883
Phải thu khác của khách hàng (*)	26.730.777.364	30.682.167.511
Trả trước cho người bán	828.416.282	1.206.250.820
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	37.472.543	32.861.292
Phải thu nội bộ	-	-
Các khoản phải thu khác (**)	4.380.734.078	13.919.954.457
Tổng cộng các khoản phải thu	89.896.492.792	103.608.916.329
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(16.444.230.761)	(9.726.190.618)
Dự phòng phí bảo hiểm gốc	(4.891.221.283)	(4.236.190.618)
Dự phòng khác	(11.553.009.478)	(5.490.000.000)
Giá trị thuần các khoản phải thu	73.452.262.031	93.882.725.711

(*) Chi tiết phải thu khác của khách hàng	30/09/2013
Lãi hợp tác đầu tư Công ty SVIC Invest	-
Dự thu tiền gửi	15.760.955.556
Dự thu trái phiếu	9.596.002.778
Dự thu lãi HBS	444.569.030
SVIC Hà Nội (Hải Nam)	929.250.000
	26.730.777.364

(**) Chi tiết phải thu khác	30/09/2013
Văn phòng	426.966.744
Phải thu lợi nhuận kinh doanh của SVIC Invest	-
Phải thu khác	426.966.744
Quảng Ninh	1.026.698.900
Việt Bắc	108.260.537
Nam Sông Hồng	-
Hải Phòng	170.234.630
Nghệ An	4.920.640
Tây Bắc	14.249.039
Tây Nguyên	32.437.300
Sài Gòn	-
Gia Định	1.620.593.745
Bắc Sông Hồng	202.313.762
Bắc Miền Trung	141.084.987
Hà Nội	169.226.140
Nam Miền Trung	33.778.000
Thăng Long	429.969.654
SVIC Invest	-
	4.380.734.078

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

4. Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
1 - Nguyên giá					
- Số dư đầu năm	30.483.252.727	11.946.772.386	3.771.155.347	66.532.000	46.267.712.460
- Số tăng trong năm	-	-	365.042.551	-	365.042.551
Trong đó : + Mua sắm	-	-	252.510.551	-	252.510.551
+ Xây dựng	-	-	-	-	-
+ Tăng khác	-	-	112.532.000	-	112.532.000
- Số giảm trong năm	-	(52.800.000)	(2.605.226.360)	(66.532.000)	(2.724.558.360)
Trong đó : + Thanh lý	-	-	-	-	-
+ Nhượng bán	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	(52.800.000)	(2.605.226.360)	(66.532.000)	(2.724.558.360)
- Số dư cuối năm	30.483.252.727	11.893.972.386	1.530.971.538	-	43.908.196.651
2 - Hao mòn lũy kế					-
- Số dư đầu năm	1.566.811.014	3.702.134.388	2.745.438.973	42.845.715	8.057.230.090
- Số tăng trong năm	949.753.576	1.189.360.791	299.457.289	4.721.630	2.443.293.286
+ Khấu hao	949.753.576	903.860.518	251.889.944	4.721.630	2.110.225.668
+ Tăng khác	-	285.500.273	47.567.345	-	333.067.618
- Số giảm trong năm	-	(6.810.580)	(2.184.189.006)	(47.567.345)	(2.238.566.931)
+ Khấu hao	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	(6.810.580)	(2.184.189.006)	(47.567.345)	(2.238.566.931)
- Số dư cuối năm	2.516.564.590	4.884.684.599	860.707.256	-	8.261.956.445
3 - Giá trị còn lại					-
- Tại ngày đầu năm	28.916.441.713	8.244.637.998	1.025.716.374	23.686.285	38.210.482.370
- Tại ngày cuối năm	27.966.688.137	7.009.287.787	670.264.282	-	35.646.240.206
Trong đó :					-
+ TSCĐ thể chấp cầm cố					-
+ TSCĐ tạm thời không sử dụng					-
+ TSCĐ chờ thanh lý					-

5. Tình hình tăng giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy chuyển nhượng quyền	Bản quyền bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
1 - Nguyên giá					
- Số dư đầu năm	1.995.000.000	-	-	-	1.995.000.000
- Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Trong đó : + Mua	-	-	-	-	-
+ Tạo ra từ nội	-	-	-	-	-
- Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Trong đó : + Thanh lý, n	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư cuối năm	1.995.000.000	-	-	-	1.995.000.000
2 - Hao mòn lũy kế					
- Số dư đầu năm	1.992.767.857	-	-	-	1.992.767.857
- Số tăng trong năm	2.232.143	-	-	-	2.232.143
- Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Số dư cuối năm	1.995.000.000	-	-	-	1.995.000.000
3- Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	2.232.143	-	-	-	2.232.143
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

6. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2013	01/01/2013
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	53.000.000.000
Cổ phiếu niêm yết	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
Trái phiếu	-	53.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái	-	53.000.000.000
Góp vốn liên doanh	-	-
Đầu tư dài hạn khác	75.500.000.000	49.000.000.000
- Đầu tư vào Công ty con	-	-
- Tiền gửi kỳ hạn >12 tháng	75.500.000.000	49.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	75.500.000.000	102.000.000.000

7. Thuế TNDN Hoãn lại

	30/09/2013	
	Cơ sở tính thuế	Thuế hoãn lại
Dự phòng SĐTL	15.000.000.000	3.750.000.000
Dự phòng HBS	10.000.000.000	2.500.000.000
Dự phòng lãi trái phiếu SĐTL	2.196.000.000	549.000.000
Khấu hao Văn phòng TCT	2.113.261.690	528.315.423
Dự phòng hoa hồng phải trả	1.792.232.927	448.058.232
Cộng	31.101.494.617	7.775.373.655

8. Phải trả người bán

	30/09/2013	01/01/2013
Phải trả của hoạt động bảo hiểm	33.002.827.752	23.926.048.421
Phải trả của hoạt động bảo hiểm gốc	1.784.143.947	5.158.204.877
Phải trả của hoạt động nhận tái bảo hiểm gốc	8.136.615.047	966.821.815
Đã phát sinh công nợ	8.136.615.047	966.821.815
Công nợ ước liên quan đến nhận tái	-	-
Phải trả của hoạt động nhượng tái bảo hiểm gốc	23.082.068.758	17.801.021.729
Đã phát sinh công nợ	15.239.068.758	3.585.597.165
Công nợ ước liên quan đến nhượng tái	7.843.000.000	14.215.424.564
Phải trả về hàng hóa lao vụ	-	-
Phải trả khác	2.649.561.324	2.411.909.198
Cộng	35.652.389.076	26.337.957.619

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/09/2013	01/01/2013
Thuế giá trị gia tăng	1.309.362.568	1.490.584.762
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.550.087.124	10.697.837.936
Thuế thu nhập cá nhân	105.121.515	636.218.216
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-
Thuế khác	369.166.094	196.664.211
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	9.333.737.301	13.021.305.125

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

10. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/09/2013	01/01/2013
Bảo hiểm xã hội	172.250.383	46.440.384
Bảo hiểm y tế	22.537.000	13.266.983
Kinh phí công đoàn	278.884.601	373.433.664
Cổ tức phải trả	5.277.894.960	309.248.200
Các khoản phải trả khác	6.700.971.167	7.100.051.876
Cộng	12.452.538.111	7.842.441.107

11. Chi phí phải trả

	30/09/2013	01/01/2013
Hoa hồng phải trả	1.792.232.927	1.896.378.628
Quỹ cháy nổ bắt buộc	305.095.169	148.168.618
Quỹ xe cơ giới	1.360.902.189	957.399.571
Phải trả khác	-	-
	3.458.230.285	3.001.946.817

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

12. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Diễn giải	Vốn đầu tư của chủ sở hữu vốn	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận chưa p.phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2012	300.000.000.000	-	-	-	2.953.542.089	30.029.439.282	332.982.981.371
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	22.418.911.912	22.418.911.912
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	(29.439.282)	(29.439.282)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	1.120.945.596	(1.120.945.596)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.812.935.339)	(1.812.935.339)
Tại ngày 31/12/2012 (01/01/2013)	300.000.000.000	-	-	-	4.074.487.685	19.485.030.977	323.559.518.662
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	21.267.826.102	21.267.826.102
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	1.200.000.000	-	(1.485.030.977)	(285.030.977)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	469.001.082	(469.001.082)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(163.004.425)	(163.004.425)
Tại ngày 30/09/2013	300.000.000.000	-	-	1.200.000.000	4.543.488.767	20.635.820.594	326.379.309.361

Danh sách cổ đông

	30/09/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tập đoàn Vinacomin	-	0,00%	-	0,00%
Ngân hàng SHB	3.000.000	10,00%	3.000.000	10,00%
Tập đoàn T&T	1.500.000	5,00%	1.500.000	5,00%
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ	2.970.000	9,90%	2.970.000	9,90%
Công ty CP Hoa Sơn	-	0,00%	-	0,00%
Công ty CP chứng khoán SHS	3.000.000	10,00%	3.000.000	10,00%
Cổ đông khác	19.530.000	65,10%	19.530.000	65,10%
	30.000.000	100,00%	30.000.000	100,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

13. Thu nhập tài chính

	9 tháng 2013	9 tháng 2012
Lãi tiền gửi	22.737.290.960	26.691.796.267
Lãi trái phiếu	12.895.618.161	19.588.674.140
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	1.971.478.011
Cổ tức và lợi nhuận được chia	39.600	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	27.504.959	105.972.400
Doanh thu hoạt động tài chính khác	203.029.358	2.501.202.985
Cộng	35.863.483.038	50.859.123.803

14. Chi phí tài chính

	9 tháng 2013	9 tháng 2012
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ trái phiếu	4.464.690.348	3.235.259.748
Lỗ kinh doanh chứng khoán	7.400.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	61.491.312	201.837.256
Dự phòng đầu tư	19.866.786.000	39.831.460.225
Hoàn nhập dự phòng năm trước	-	(14.567.677.516)
Chi phí hoạt động tài chính khác	234.675	1.016.751.675
Cộng	24.400.602.335	29.717.631.388

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	9 tháng 2013	9 tháng 2012
Lợi nhuận trước thuế	28.504.040.371	19.710.372.586
Các khoản điều chỉnh	6.217.233.226	39.699.513.581
Tăng	8.138.772.826	39.699.513.581
Dự phòng SĐTL	5.000.000.000	30.000.000.000
Dự phòng HBS	-	-
Dự phòng trái phiếu OTC	-	2.680.980.000
Dự phòng lãi trái phiếu SĐTL	-	5.490.000.000
Phụ cấp HĐQT + BKS	225.000.000	622.850.000
Khấu hao văn phòng	905.683.581	905.683.581
Dự phòng hoa hồng phải trả	1.792.232.927	-
Chi phí hóa đơn có dấu hiệu bất hợp pháp	215.856.318	-
Giảm	(1.921.539.600)	-
Cổ tức	(39.600)	-
Dự phòng lãi trái phiếu SĐTL	(1.921.500.000)	-
Lợi nhuận tính thuế	34.721.273.597	59.409.886.167
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN hiện hành	8.680.318.397	14.852.471.542
Thuế TNDN điều chỉnh năm tài chính trước	-	-
Thuế TNDN phải nộp	8.680.318.397	14.852.471.542

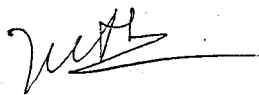
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Địa chỉ: tầng 7 + 8 Tòa nhà AC, ngõ 78, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	9 tháng 2013	9 tháng 2012
Cơ sở tính thuế		
Dự phòng SĐTL	5.000.000.000	30.000.000.000
Dự phòng HBS	-	-
Dự phòng trái phiếu OTC	-	2.680.980.000
Lãi trái phiếu SĐTL	(1.921.500.000)	5.490.000.000
Khấu hao văn phòng	905.683.581	905.683.581
Dự phòng hoa hồng phải trả	1.792.232.927	-
Tổng	5.776.416.508	39.076.663.581
Thuế TNDN hoãn lại	1.444.104.128	9.769.165.896

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

LẬP BIỂU

Ninh Viêt Hòa

KẾ TOÁN TRƯỞNG

.....

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Gia Anh

P